HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BÁO CHÍ, CHUYÊN NGÀNH QUAY PHIM TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1123-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**
Tên văn bằng	: **Cử nhân Báo chí**
Trình độ đào tạo	: **Đại học**
Tên CTĐT	: **Chương trình đào tạo cử nhân ngành báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình**
Tên tiếng Anh	: **BA program in Camera Technique**
Mã số	: **7320101**
Thời gian đào tạo	: **4 năm**
Khoa quản lý	: **Viện Báo chí - Truyền thông**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BÁO CHÍ, CHUYÊN NGÀNH QUAY PHIM TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1123-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**
Tên văn bằng	: **Cử nhân Báo chí**
Trình độ đào tạo	: **Đại học**
Tên CTĐT	: **Chương trình đào tạo cử nhân ngành báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình**
Tên tiếng Anh	: **BA program in Camera Technique**
Mã số	: **7320101**
Thời gian đào tạo	: **4 năm**
Khoa quản lý	: **Viện Báo chí - Truyền thông**

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Viện Báo chí và Truyền thông

1.1. Sứ mạng

- Sứ mạng của Học viện:

Là trường Đảng, trường đại học được xây dựng thành trường trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện có sứ mệnh nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác

- Sứ mạng của Viện:

Viện Báo chí – Truyền thông thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

1.2. Tầm nhìn

- Tầm nhìn của Học viện:

Học viện là trường Đảng, đồng thời là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, hàng đầu của Việt Nam. Tiếp tục khẳng định, giữ vững vị thế của một trường đại học hàng đầu trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu lĩnh vực lý luận chính trị, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông với đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và quốc tế.

Học viện phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực; phấn đấu đến 2045 trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín cao và được xếp hạng quốc tế.

- Tầm nhìn của Viện:

Viện Báo chí – Truyền thông thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Viện không ngừng phấn đấu trở thành đơn vị có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.

1.3. Giá trị cốt lõi

- Giá trị cốt lõi của Học viện:

+ Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

+ Dân chủ: là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

+ Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.

+ Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

+ Chất lượng: là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Học viện, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.

+ Cống hiến: là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Học viện.

- Giá trị cốt lõi của Viện Báo chí- Truyền thông:

Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Viện.

Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Viện

Sáng tạo: là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

2. Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Về kiến thức

PO1: Sinh viên hiểu một cách hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

PO2: Sinh viên có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành học

PO3: Sinh viên áp dụng được các kiến thức cơ bản về tin học phù hợp với ngành Báo chí;

PO4: Sinh viên hiểu các kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí nói chung, quay phim truyền hình nói riêng của Việt Nam và thế giới;

PO5: Sinh viên hiểu quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm quay phim truyền hình và có thể áp dụng thành thạo vào việc sáng tạo các tác phẩm quay phim truyền hình đáp ứng yêu cầu của cơ quan báo chí.

PO6: Sinh viên có thể đọc hiểu, giao tiếp tốt về mặt ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí.

2.1.2.2. Về kỹ năng

PO7: Sinh viên có khả năng phát hiện, tìm kiếm đề tài báo chí và thu thập, thẩm định thông tin; thành thạo trong xây dựng kế hoạch đề tài, kịch bản và tổ chức thông tin, hình ảnh;

PO8: Sinh viên sử dụng ở mức cơ bản những công nghệ mới trong hoạt động quay phim truyền hình, sử dụng thành thạo máy quay chuyên nghiệp và các phần mềm quản lý và dựng phim; biết cách lựa chọn các phương tiện phù hợp để chuyển tải thông điệp hiệu quả;

PO9: Sinh viên có khả năng sáng tạo tác phẩm báo chí thuộc các loại hình báo in, phát thanh, truyền hình, đặc biệt là quay phim truyền hình; có năng lực tác nghiệp linh hoạt với nhiều phương tiện khác nhau (máy ảnh, máy quay phim…) và bước đầu biết cách đánh giá kết quả hoạt động nghề nghiệp bằng các phương pháp định tính và định lượng;

PO10: Sinh viên giao tiếp, thuyết trình, thảo luận tốt;

PO11: Khả năng ngoại ngữ chuyên ngành của sinh viên đạt mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; sử dụng thành thạo ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

PO12: Sinh viên thành thạo về tin học và công nghệ, bao gồm: sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.

2.1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO13: Sinh viên có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các môi trường cũng như điều kiện làm việc khác nhau;

PO14: Sinh viên có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm cũng như có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc;

PO15: Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một nhà báo; có nhận thức và chủ động trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.2. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo cử nhân Quay phim truyền hình cung cấp các quay phim cho các tòa soạn báo chí, báo chí truyền hình, các cơ quan truyền thông trong nước và quốc tế, các Bộ, Ban, Ngành, các tổ chức quốc tế…

Với kiến thức liên ngành được trang bị trong quá trình học tập, khi tốt nghiệp, sinh viên ngành truyền hình có thể tiếp cận với những cơ hội việc làm rất đa dạng ở nhiều vị trí khác nhau như:

- Quay phim thường trú tại nước ngoài của các đài truyền hình, các cơ quan báo chí.

- Quay phim chuyên trách mảng q ıốc tế của các đài truyền hình, các cơ quan báo chí…

- Quay phim tại các đài truyền hình, các cơ quan báo chí, các cơ quan báo mạng điện tử, các trang web của cơ quan, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các công ty truyền thông..

- Thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan đơn vị có liên quan đến báo chí và truyền thông đại chúng như: Các cơ quan quản lý báo chí – truyền thông, các cơ quan tuyên giáo, các cơ quan, tổ chức truyền thông, các bộ phận thông tin tổng hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị xã hội, Hội nhà báo, các công ty truyền thông, các đơn vị tổ chức sự kiện và quan hệ công chúng...

- Công tác tại các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong nước, quốc tế có bộ phận truyền thông, truyền hình.

- Nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở đào tạo báo chí truyền thông, các cơ quan nghiên cứu quốc tế của Việt Nam và nước ngoài.

- Có khả năng tự khởi nghiệp trong lĩnh vực báo truyền hình nói riêng, báo chí và truyền thông nói chung.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có kết quả xếp loại tốt nghiệp từ Khá trở lên có thể dự thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ ngành Báo chí học, chuyên ngành Quản lý Phát thanh- Truyền hình ngay sau khi tốt nghiệp. Trường hợp bằng tốt nghiệp xếp loại khác, người dự tuyển phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực báo chí. Ngoài ra, người học có thể học bổ sung kiến thức để dự thi trình độ thạc sĩ các ngành gần, ngành phù hợp với ngành Báo chí.

Người học có kết quả xếp loại tốt nghiệp Giỏi trở lên có thể dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Báo chí học.

- ***Trình độ ngoại ngữ:*** Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 (hoặc bậc 3, bậc 4, bậc 5 - tùy theo yêu cầu của chương trình đào tạo) Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- ***Trình độ tin học:*** Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Căn cứ xây dựng chương trình

3.1. Căn cứ thực tiễn

3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo trong nước:

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại một số cơ sở đào tạo như: Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Văn hóa Hà Nội…

Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc)
- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ)
- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông số và truyền thông (ĐH Westminster)

3.1.2. Kết quả khảo sát

** Khảo sát nhu cầu xã hội*

Tháng 10 năm 2023, Khoa Phát thanh - Truyền hình đã tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực chuyên ngành truyền hình. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các đài phát thanh - truyền hình, cơ quan báo chí, công ty truyền thông; Giảng viên các trường/trung tâm đào tạo báo chí, số lượng: 30 người theo hình thức khảo sát: Hội thảo/toạ đàm/phỏng vấn.

Về nhu cầu nhân lực ngành truyền hình: 100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành truyền hình hàng năm. Không chỉ ở các đài truyền hình, một số cơ quan báo chí (báo mạng điện tử) cũng có nhu cầu nhân lực truyền hình (sản xuất các video cho web…). Các công ty truyền thông kinh doanh nội dung số cũng cần số lượng lớn nhân lực truyền hình ở các vị trí phóng viên/biên tập viên/người dẫn chương trình. Ngoài ra 85% người được khảo sát cho rằng phóng viên /biên tập viên truyền hình ngày nay cần có thêm các kĩ năng đa phương tiện khác (chụp ảnh, làm đồ hoạ, âm thanh…) để đáp ứng được yêu cầu của nhà báo truyền hình. Ngoài ra, nhà báo truyền hình cũng cần phải mở rộng các kiến thức về truyền thông để bắt kịp tốt hơn với nhu cầu thực tiễn.

* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2022, 2023 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

3.2 Căn cứ pháp lí

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội ban hành;

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Nội dung
	Kiến thức
	Kiến thức chung
PLO 1	Phân tích được được những vấn đề lý luận chung về khoa học Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học xã hội và nhân văn. Vận dụng được các tri thức về khoa học chính trị, khoa học liên ngành trong quá trình nhận thức và tiến hành

STT	Nội dung
	hoạt động truyền thông;
PLO 2	Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp xã hội học, phương pháp tiếp cận báo chí - truyền thông, vào việc điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của hoạt động báo chí - truyền thông và quản lý hoạt động báo chí - truyền thông;
PLO 3	Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng tin học, ngoại ngữ trong việc học tập, nghiên cứu;
PLO 4	Phân tích được các vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm: các lý thuyết, mô hình truyền thông, quản trị truyền thông, lịch sử, văn hóa, tâm lý báo chí, công chúng báo chí - truyền thông, pháp luật và đạo đức báo chí báo chí - truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng, ngôn ngữ báo chí truyền thông…;
	Kiến thức ngành
PLO 5	Phân tích được bản chất, mục đích, các chức năng cơ bản của báo chí; công chúng báo chí. Nêu được quy trình lao động tác nghiệp và những vấn đề cơ bản về nghề nghiệp; phân tích được các nguyên tắc hành nghề và ứng dụng được những yêu cầu này trong quá trình tác nghiệp báo chí nói chung, báo truyền hình nói riêng;
PLO 6	Phân biệt được các loại hình báo chí; xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại báo chí; phân tích được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại. Phân tích được bản chất, tính mục đích của hoạt động báo chí, các nguyên tắc hành nghề và các chức năng cơ bản của báo chí; trình bày được quy trình lao động tác nghiệp và những vấn đề cơ bản về nghề nghiệp;
	Kiến thức chuyên ngành
PLO 7	Vận dụng được vấn đề lý luận và thực tiễn vào sáng tạo quay phim truyền hình: khái niệm, đặc điểm, phương thức sản xuất; phân tích được vai trò, yêu cầu, các thể loại, các nguyên tắc, phương pháp sáng tạo…
	Kỹ năng
	Kỹ năng chung
PLO 8	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, so sánh, phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu; nhận định, giải quyết vấn đề, tình huống một cách sáng tạo; thành thục phương pháp tư duy tổng hợp, tư duy logic, tư duy hệ thống.

STT	Nội dung
	Kỹ năng chuyên biệt của ngành
PLO 9	Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, biên tập báo chí - truyền thông, sử dụng đạo đức, pháp luật, văn hóa, sử dụng thành thạo các công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và hoạt động quay phim truyền hình
PLO 10	Có khả năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin; kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng;
PLO 11	Thành thạo trong việc sáng tạo các thể loại báo chí cho báo truyền hình trong quay phim, tổ chức sản xuất sản phẩm báo truyền hình (dưới các hình thức như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, bản tin truyền hình, các chương trình văn hóa giải trí truyền hình, phim tài liệu truyền hình...) và biên tập tác phẩm báo truyền hình;
PLO 12	Sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO 13	Năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện môi trường làm việc độc lập và trách nhiệm với nhóm
PLO 14	Có năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí- truyền thông nói chung, chuyên ngành quay phim truyền hình nói riêng, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, bối cảnh chuyển đổi số
PLO 15	Có nhận thức và chủ động trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

Thực hiện theo Quy định về chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành kèm theo Quyết định số 617 -QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 13 tháng 1 năm 2023 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

- Trình độ Ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Trình độ Tin học: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia

Mục tiêu đào tạo \ PLOs	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Kiến thức	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng								x	x	x	x	x			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm													x	x	x

6. Chuẩn đầu vào CTĐT

Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

8. Sơ đồ cây chương trình đào tạo

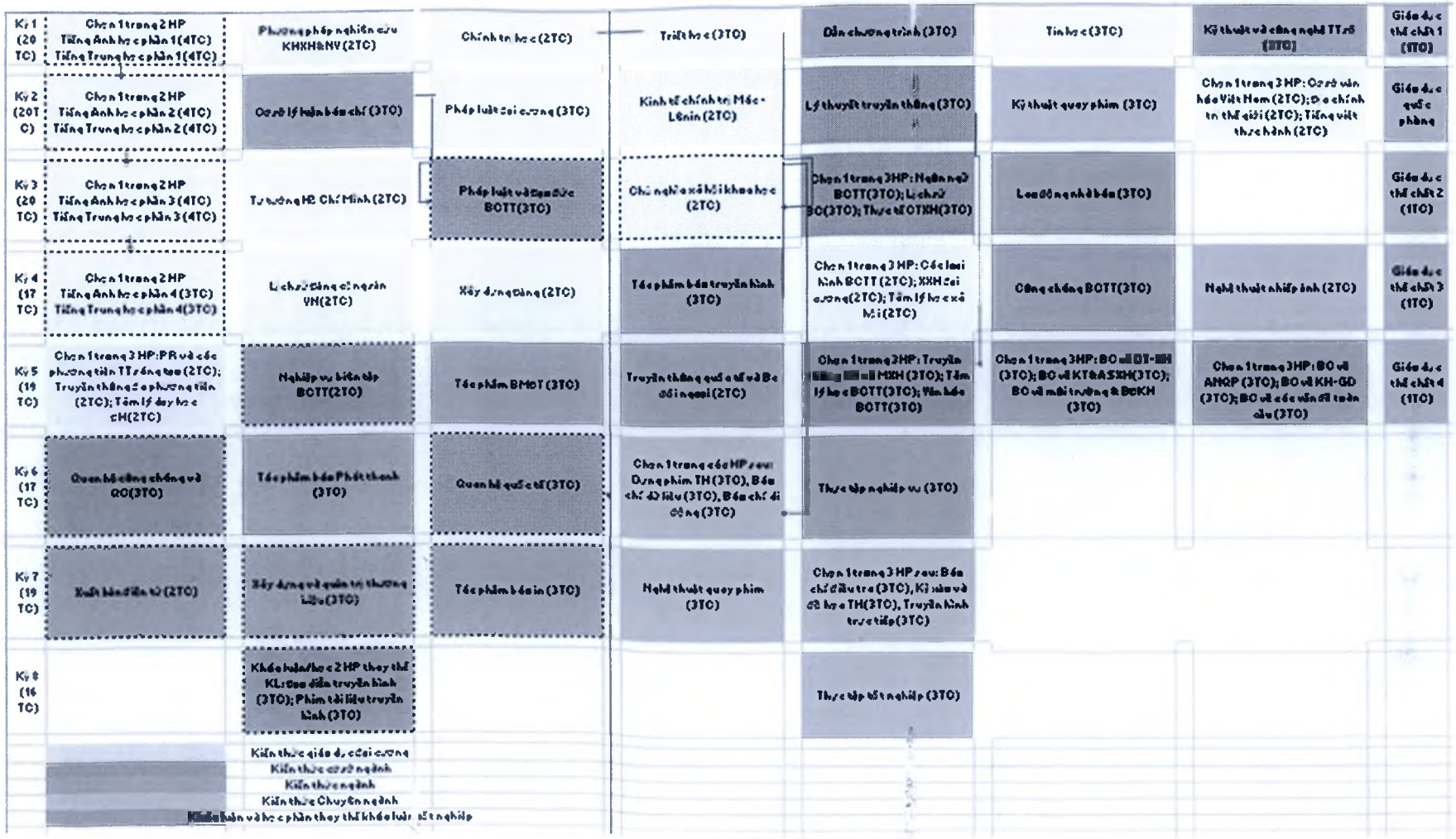
Kỳ 1 (20 TC)
Chọn 1 trong 2 HP Tiếng Anh học phần 1 (4TC) Tiếng Trung học phần 1 (4TC)
Phương pháp nghiên cứu KHXH&NV (2TC)
Chính trị học (2TC)
Triết học (3TC)
Dẫn chương trình (3TC)
Tin học (3TC)
Kỹ thuật và công nghệ TTTT (2TC)
Giáo dục thể chất 1 (1TC)
Kỳ 2 (20 TC)
Chọn 1 trong 2 HP Tiếng Anh học phần 2 (4TC) Tiếng Trung học phần 2 (4TC)
Cơ sở lý luận báo chí (3TC)
Pháp luật đại cương (3TC)
Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2TC)
Lý thuyết truyền thông (3TC)
Kỹ thuật quay phim (3TC)
Chọn 1 trong 3 HP: Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC); Địa chính trị thế giới (2TC); Tiếng việt thực hành (2TC)
Giáo dục quốc phòng
Kỳ 3 (20 TC)
Chọn 1 trong 2 HP Tiếng Anh học phần 3 (4TC) Tiếng Trung học phần 3 (4TC)
Tư tưởng HC Chí Minh (2TC)
Pháp luật về quyền tác BCTT(3TC)
Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)
Chọn 1 trong 3 HP: Ngôn ngữ BCTT(3TC); Lịch sử BC(3TC); Thực tế OTXH(3TC)
Loại hình nhà báo (3TC)
Giáo dục thể chất 2 (1TC)
Kỳ 4 (17 TC)
Chọn 1 trong 2 HP Tiếng Anh học phần 4 (3TC) Tiếng Trung học phần 4(3TC)
Lịch sử Đảng cộng sản VN(2TC)
Xây dựng Đảng (2TC)
Tác phẩm báo truyền hình (3TC)
Chọn 1 trong 3 HP: Các loại hình BCTT (2TC); XXH đại cương(2TC); Tâm lý học xã hội(2TC)
Công chúng BCTT(3TC)
Nghệ thuật nhiếp ảnh (2TC)
Giáo dục thể chất 3 (1TC)
Kỳ 5 (19 TC)
Chọn 1 trong 3 HP: PR và các phương tiện TT đương đại (2TC); Truyền thông đa phương tiện (2TC); Tâm lý đám đông (2TC)
Nghiệp vụ biên tập BCTT(2TC)
Tác phẩm BMĐT (3TC)
Truyền thông quốc tế và Báo chí ngoại (2TC)
Chọn 1 trong 2 HP: Truyền [redacted] MXH (3TC); Tâm lý học BCTT(3TC); Văn hóa BCTT(3TC)
Chọn 1 trong 3 HP: BC về [redacted] (3TC); BC về KT&AS XH(3TC); BC về môi trường & BĐKH (3TC)
Chọn 1 trong 3 HP: BC về ANQP (3TC); BC về KH-GD (3TC); BC về các vấn đề toàn cầu (3TC)
Giáo dục thể chất 4 (1TC)
Kỳ 6 (17 TC)
Quan hệ công chúng và QC(3TC)
Tác phẩm báo Phát thanh (3TC)
Quan hệ quốc tế (3TC)
Chọn 1 trong các HP sau: Dựng phim TH (3TC), Báo chí dữ liệu (3TC), Báo chí di động (3TC)
Thực tập nghiệp vụ (3TC)
Kỳ 7 (19 TC)
Xuất bản điện tử (2TC)
Xây dựng và quản trị thương hiệu (3TC)
Tác phẩm báo in (3TC)
Nghệ thuật quay phim (3TC)
Chọn 1 trong 3 HP sau: Báo chí điều tra (3TC), Kỹ năng và đạo đức TH(3TC), Truyền hình trực tiếp (3TC)
Kỳ 8 (16 TC)
Khóa luận/học 2 HP thay thế KL: Sản xuất chương trình truyền hình (3TC); Phim tài liệu truyền hình (3TC)
Thực tập tốt nghiệp (3TC)
Kiến thức giáo dục đại cương
Kiến thức cơ sở ngành
Kiến thức ngành
Kiến thức Chuyên ngành
Khóa luận và học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

9. Nội dung chương trình

9.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ
A. Kiến thức giáo dục đại cương	**44**
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
A2. Khoa học xã hội và nhân văn	15
Bắt buộc	*9*
Tự chọn	*6/18*
A3. Toán và khoa học tự nhiên	3
A4. Ngoại ngữ	15/30
A5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	13
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**86**
B1. Kiến thức cơ sở ngành	19
Bắt buộc	*13*
Tự chọn	*6/18*
B2. Kiến thức ngành	43
Bắt buộc	*37*
Tự chọn	*6/18*
B3. Kiến thức chuyên ngành	18
Bắt buộc	*12*
Tự chọn	*6/18*
B4. Khóa luận/ Học phần thay thế khóa luận	*6*
Tổng	**130**

9.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			44										
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	1,5	1	0,5	12,5	10	25		5	22,5	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	0	0	7,5	11,25	
3	CN01001	CNXHKH	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5		2,5	11,25	
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5		5	11,25	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	2,5		5	11,25	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			15										
Bắt buộc			9										
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	2	0,8	0,2	30	0	10	0	14	9	NP01001
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	1,5	0,3	0,2	15	7,5	9		0	9	CT01001
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11,25	XD01001
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	TG01004

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
Tự chọn			6/18										
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	**2**	**1.5**	**0.25**	**0.25**	**12.5**	**10**	**0**	**2.5**	**5**	**11.25**	
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	7,5	0	0	11,25	
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	0	0	7,5	11,25	
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	**2**	**1.5**	**0.25**	**0.25**	**12.5**	**10**	**2.5**	**0**	**5**	**11.25**	
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	5	0	2,5	11,25	
A3. Toán và khoa học tự nhiên			**3**										
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	1	1	1	15			20	10	45	ĐC01005
A4. Ngoại ngữ			15/30										
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	**NN01015**
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	**NN01015, NN01016**
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	1,5	1	0,5	16,5	6	21		9	22,5	**NN01015, NN01016, NN01017**
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	**NN01019**
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	**NN01019, NN01020**
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	1,5	1	0,5	16,5	6	21		9	22,5	**NN01019, NN01020, NN01021**
A5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng			13										
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**86**										
B1. Kiến thức cơ sở ngành			**19**										

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
Bắt buộc			*13*										
28	**PT02306**	Pháp luật và đạo đức BCTT	**3**	**1.5**	**1.25**	**0.25**	**15**	**7.5**	**7.5**	**0**	**30**	**11.25**	**NP01001, BC02110**
29	**XB02626**	Nghiệp vụ biên tập BCTT	2	0.5	1.25	0.25	7.5	0	0	0	37.5	11.25	
30	**QQ02101**	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	27.5	11.25	
31	**BC02801**	Lý thuyết truyền thông	**3**	**1.5**	**1**	**0.5**	**12.5**	**10**	**5**	**0**	**25**	**22.5**	
32	**QT01001**	Quan hệ quốc tế	2	1.5	0.25	0.25	17.5	5	2.5	0	5	11.25	**TM01012, CT01001**
Tự chọn			*6/18*										
33	**PT03136**	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	**3**	**1.5**	**1**	**0.5**	**10**	**12.5**	**22.5**	**15**	**15**	**22.5**	
34	**PT02807**	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	15	0	22.5	11.25	
35	**BC02803**	Tâm lý học báo chí - truyền thông	**3**	**1.5**	**1.5**	**0**	**22.5**	**0**	**10**	**0**	**35**	**0**	**BC02801**
36	**PT02805**	Lịch sử báo chí	3	1	1.75	0.25	10	5	5	10	37.5	11.25	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
37	**BC02109**	Văn hoá báo chí - truyền thông	**3**	**1**	**1.5**	**0.5**	**10**	**5**	**15**	**0**	**30**	**22.5**	**BC02110**
38	**BC03840**	Thực tế CTXH	**2**	**1**	**1**	**0**	**15**	**0**	**0**	**0**	**30**	**0**	**BC02110, BC02801, BC03802**
B2. Kiến thức ngành			**43**										
Bắt buộc			*37*										
39	**PT03135**	Dẫn chương trình	**3**	**1**	**1.75**	**0.25**	**10**	**5**	**5**	**15**	**32.5**	**22.5**	
40	**XB02610**	Xuất bản điện tử	2	0.5	1.25	0.25	7.5	0	33	0	5	11.25	
41	**QQ03201**	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	1.5	1.25	0.25	22.5	5	10	0	32.5	11.25	
42	**BC02115**	Công chúng báo chí- truyền thông	**3**	**1.5**	**1**	**0.5**	**18**	**5**	**12.5**	**0**	**10**	**22.5**	
43	**QT02401**	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2	1	0.75	0.25	10	5	13	0	10	11.25	**BC02801 BC02115**
44	**BC02110**	Cơ sở lý luận báo chí	**3**	**1.5**	**1**	**0.5**	**12.5**	**10**	**10**	**0**	**20**	**22.5**	**BC02801**
45	**PT03134**	Kĩ thuật công nghệ truyền thông số	3	1	1.75	0.25	10	5	10	10	32.5	11.25	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
46	**BC03802**	Lao động nhà báo	**3**	**1.5**	**1**	**0.5**	**22.5**	**0**	**15**	**0**	**30**	**22.5**	**BC02110, BC02801**
47	**BC03171**	Tác phẩm báo in	**3**	**1**	**1.5**	**0.5**	**10**	**5**	**5**	**0**	**40**	**22.5**	**BC02801**
48	**PT03131**	Tác phẩm báo phát thanh	3	1.0	1.75	0.25	10	5	10	10	32.5	11.25	**PT03134**
49	**PT03132**	Tác phẩm báo truyền hình	3	1.0	1.75	0.25	10	5	5	0	47.5	11.25	**PT03134**
50	**PT03133**	Tác phẩm báo mạng điện tử	3	1	1.75	0.25	10	5	10	5	47.5	11.25	**PT03134**
51	**PT03138**	Thực tập nghiệp vụ	3	0.5	2.25	0.25	0	7.5	0	0	67.5	11.25	**PT03132, PT03851**
Tự chọn			*6/18*										
52	**BC03813**	Báo chí về chính trị - xã hội	3	1.5	1	0.5	17.5	5	05	0	25	22.5	
53	**PT03814**	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	**3**	**1.5**	**1**	**0.5**	**15**	**7.5**	**10**	**0**	**20**	**22.5**	
54	**PT03818**	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3	1.0	1.75	0.25	10	5	15	5	32.5	11.25	**PT03131, PT03132, PT03133**
55	**PT03816**	Báo chí về an ninh quốc phòng	**3**	**1.5**	**1**	**0.5**	**15**	**7.5**	**7.5**	**0**	**30**	**22.5**	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
56	**BC03815**	Báo chí về khoa học và giáo dục	**3**	**1.5**	**1.25**	**0.25**	**15**	**12.5**	**0**	**0**	**37.5**	**11.25**	
57	**BC03820**	Báo chí về các vấn đề toàn cầu	3	1.5	1	0.5	22.5	0	10	0	25	22.5	**BC03813**
B3. Kiến thức chuyên ngành			**24**										
Bắt buộc			12										
58	**PT03861**	Kỹ thuật quay phim	3	1	1.75	0.25	15	0	15	10	27.5	11.25	**PT03132**
59	**PT03853**	Nghệ thuật quay phim	**3**	**1**	**1.75**	**0.25**	**0**	**15**	**0**	**20**	**32.5**	**22.5**	
60	**PT02102**	Nghệ thuật nhiếp ảnh	**2**	**1**	**0.75**	**0.25**	**10**	**5**	**0**	**10**	**12.5**	**22.5**	
61	**PT03850**	Thực tập tốt nghiệp	4	0.5	3	0.5	0	7.5	0	0	9.	22.5	**PT03132, PT03851**
Tự chọn			*6/18*										
62	**PT56038**	Kỹ xảo đồ hoạ truyền hình	3	1	1.75	0.25	10	5	37.5	15	22.5	11.25	
63	**PT03855**	Báo chí di động	3	1	1.5	0.5	12	3	13	0	25	22.5	
64	**PT03130**	Báo chí điều tra	**3**	**1**	**1.5**	**0.5**	**15**	**0**	**10**	**0**	**35**	**22.5**	**PT03132.**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
65	**PT03876**	Báo chí dữ liệu	3	1	1.75	0.25	10	5	0	10	42.5	11.25	
66	**PT03853**	Dựng phim truyền hình	3	1	1.75	0.25	10	5	10	37.5	15	22.5	
67	**PT03141**	Truyền hình trực tiếp	**3**	**1**	**1.75**	**0.25**	**10**	**5**	**10**	**0**	**42.5**	**22.5**	**PT03132, PT03851**
B4. Khóa luận/ Học phần thay thế khóa luận			***6***										
Khóa luận/Tác phẩm tốt nghiệp			*6*										
68	**PT04804**	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp	6	1	4.75	0.25	5	10	0	0	142.5	11.25	**PT03851**
Học phần thay thế Khóa luận			*6*										
69	**PT04819**	Đạo diễn truyền hình	**3**	**1**	**1.75**	**0.25**	**10**	**5**	**0**	**22.5**	**30**	**22.5**	**PT03851**
70	**PT04818**	Phim tài liệu truyền hình	3	1	1.75	0.25	10	5	5	0	47.5	22.5	**PT03851**

10. Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1.	Triết học Mác-Lênin	H5							M3							H4
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H5							M3							H4
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H5							M3							H4
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H5							M3							H4
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H5							M3							H4
6.	Pháp luật đại cương		H5						H4							H4
7.	Chính trị học		H5						M3							H4
8.	Xây dựng Đảng		H5						M3							H4
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn			H5					H4					M3		
10.	Cơ sở văn hóa Việt Nam			H5					H4					M3		
11.	Các loại hình báo chí - truyền thông		H5		M3				M3					M3		
12.	Địa chính trị thế giới				H5				H4					M3		
13.	Tâm lý học dạy học đại học			H5					M3					M3		
14.	Tâm lý học xã hội			H5			M3		M3					M3		
15.	Tiếng Việt thực hành			H5			M3		H4					M3		
16.	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo		H5						H4					M3		
17.	Truyền thông đa phương tiện		H5						H4					M3		
18.	Xã hội học đại cương			H5					M3					M3		
19.	Tin học ứng dụng				H5				L2					M3		
20.	Tiếng Anh học phần 1				H5				M3					M3		

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
21.	Tiếng Anh học phần 2				H5				M3					M3		
22.	Tiếng Anh học phần 3				H5				M3					M3		
23.	Tiếng Anh học phần 4				H5				M3					M3		
24.	Tiếng Trung học phần 1				H5				M3					M3		
25.	Tiếng Trung học phần 2				H5				M3					M3		
26.	Tiếng Trung học phần 3				H5				M3					M3		
27.	Tiếng Trung học phần 4				H5				M3					M3		
28.	Pháp luật và đạo đức BCTT					H5			H4		H4			H4	M3	M3
29.	Nghiệp vụ biên tập BCTT					H5			H4	H4	H4			H4	M3	M3
30.	Quan hệ công chúng và quảng cáo					H5			M3		H4			H4	M3	M3
31.	Lý thuyết truyền thông					H5	M3		H4	H4				H4	M3	M3
32.	Quan hệ quốc tế				M3	H5			M3	H4				H4	M3	M3
33.	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông				M3	H5			H4		H4			H4	M3	M3
34.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội					H5			H4	H4				H4	M3	M3
35.	Tâm lý học báo chí - truyền thông		M3			H5			H4	H4				H4	M3	M3
36.	Lịch sử báo chí					H5			M3	H4				H4	M3	M3
37.	Văn hoá báo chí - truyền thông					H5			H4		H4			H4	M3	M3
38.	Thực tế CTXH					H4			H4					H4	M3	M3
39.	Dẫn chương trình				H4				H4					H4	M3	M3
40.	Xuất bản điện tử				M3				M3					H4	M3	M3
41.	Xây dựng và quản trị thương hiệu				M3				H4	H4				H4	M3	M3

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
42.	Công chúng báo chí - truyền thông						H5		H4	H4	H4			H4	M3	M3
43.	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại				M3		H5		H4	H4				H4	M3	M3
44.	Cơ sở lý luận báo chí						H5		H4	H4				H4	H4	M3
45.	Kĩ thuật công nghệ truyền thông số				H4		H5		M3					H4	H4	M3
46.	Lao động nhà báo						H5		H4			H4		H4	H4	M3
47.	Tác phẩm báo in						H5		H4			H4		H4	H4	M3
48.	Tác phẩm báo phát thanh						H5		H4			H4		H4	H4	M3
49.	Tác phẩm báo truyền hình						H5		H4			H4		H4	H4	M3
50.	Tác phẩm báo mạng điện tử						H5		H4			H4		H4	H4	M3
51.	Thực tập nghiệp vụ				H5	M4	M4	H5	H4			H4		H4	H4	M3
52.	Báo chí về chính trị - xã hội						H5		H4			H4		H4	H4	M3
53.	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội						H5		H4			H4		H4	H4	M3
54.	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu						H5		H4			H4		H4	H4	M3
55.	Báo chí về an ninh quốc phòng						H5		H4			H4		H4	H4	M3
56.	Báo chí về khoa học và giáo dục						H5		H4			H4		H4	H4	M3
57.	Báo chí về các vấn đề toàn cầu						H5		H4			H4		H4	H4	M3
58.	Kỹ thuật quay phim						H5		M3	H4			H4	H4	H4	H4
59.	Nghệ thuật quay phim							H5	H4				H4	H4	H4	H4
60.	Nghệ thuật nhiếp ảnh							H5	H4				H4	H4	H4	H4
61.	Thực tập tốt nghiệp				H5			H5	H4				H4	H4	H4	H4
62.	Kỹ xảo đồ hoạ truyền hình							H5	H4	H4			H4	H4	H4	H4

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
63.	Báo chí di động							H5	M3	H4			H4	H4	H4	H4
64.	Báo chí điều tra							H5	H4				H4	H4	H4	H4
65.	Báo chí dữ liệu							H5	H4				H4	H4	H4	H4
66.	Dựng phim truyền hình							H5	H4	H4			H4	H4	H4	H4
67.	Truyền hình trực tiếp							H5	H4				H4	H4	H4	H4
68.	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4
69.	Đạo diễn truyền hình						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4
70.	Phim tài liệu truyền hình						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4

11. Kế hoạch giảng dạy *(dự kiến)*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1.	**TM01012**	Triết học Mác-Lênin	3	x							
2.	**KT01011**	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		x						
3.	**CN01001**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			x					
4.	**LS01002**	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				x				
5.	**TH01001**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			x					
6.	**NP01001**	Pháp luật đại cương	3		x						
7.	**CT01001**	Chính trị học	2	x							
8.	**XD01001**	Xây dựng Đảng	2				x				
9.	**TG01004**	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	x							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
10.	**TT01002**	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		x						
11.	**PT02501**	Các loại hình báo chí – truyền thông	2				x				
12.	**QT02560**	Địa chính trị thế giới	2		x						
13.	**TG01025**	Tâm lý học dạy học ĐH	2					x			
14.	**TG01007**	Tâm lý học xã hội					x				
15.	**XB40101**	Tiếng Việt thực hành	2		x						
16.	**QQ02508**	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo						x			
17.	**BC02235**	Truyền thông đa phương tiện	2					x			
18.	**XH01001**	Xã hội học đại cương	2				x				
19.	**ĐC01005**	Tin học ứng dụng	3	x							
20.	**NN01015**	Tiếng Anh học phần 1	4	x							
21.	**NN01016**	Tiếng Anh học phần 2	4		x						
22.	**NN01017**	Tiếng Anh học phần 3	4			x					
23.	**NN01018**	Tiếng Anh học phần 4	3				x				
24.	**NN01019**	Tiếng Trung học phần 1	4	x							
25.	**NN01020**	Tiếng Trung học phần 2	4		x						
26.	**NN01021**	Tiếng Trung học phần 3	4			x					
27.	**NN01022**	Tiếng Trung học phần 4	3				x				
28.	**PT02306**	Pháp luật và đạo đức BCTT	3			x					
29.	XB02626	Nghiệp vụ biên tập BCTT	2					x			
30.	**QQ02101**	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3						x		
31.	**BC02801**	Lý thuyết truyền thông	3		x						
32.	QT01001	Quan hệ quốc tế	2						x		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
33.	**PT03136**	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	3			x					
34.	**PT02807**	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3					x			
35.	**BC02803**	Tâm lý học báo chí - truyền thông	3					x			
36.	**PT02805**	Lịch sử báo chí	3			x					
37.	**BC02109**	Văn hoá báo chí - truyền thông	3					x			
38.	**BC03840**	Thực tế CTXH	2			x					
39.	**PT03135**	Dẫn chương trình	3	x							
40.	XB02610	Xuất bản điện tử	2							x	
41.	**QQ03201**	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3							x	
42.	**BC02115**	Công chúng báo chí- truyền thông	3				x				
43.	**QT02401**	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2					x			
44.	**BC02110**	Cơ sở lý luận báo chí	3		x						
45.	**PT03134**	Kĩ thuật công nghệ truyền thông số	3	x							
46.	**BC03802**	Lao động nhà báo	3			x					
47.	BC03171	Tác phẩm báo in	3							x	
48.	**PT03131**	Tác phẩm báo phát thanh	3						x		
49.	**PT03132**	Tác phẩm báo truyền hình	3				x				
50.	**PT03133**	Tác phẩm báo mạng điện tử	3					x			
51.	**PT03138**	Thực tập nghiệp vụ	3						x		
52.	**BC03813**	Báo chí về chính trị - xã hội	3					x			
53.	**PT03814**	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3					x			
54.	**PT03818**	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3					x			
55.	**PT03816**	Báo chí về an ninh quốc phòng	3					x			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
56.	**BC03815**	Báo chí về khoa học và giáo dục	3					x			
57.	**BC03843**	Báo chí về các vấn đề toàn cầu	3					x			
58.	**PT03861**	Kỹ thuật quay phim	3						x		
59.	**PT03853**	Nghệ thuật quay phim	3				x				
60.	**PT02102**	Nghệ thuật nhiếp ảnh	2							x	
61.	**PT03850**	Thực tập tốt nghiệp	4								x
62.	**PT56038**	Kỹ xảo đồ hoạ truyền hình	3							x	
63.	**PT03855**	Báo chí di động	3		x						
64.	**PT03130**	Báo chí điều tra	3							x	
65.	**PT03876**	Báo chí dữ liệu	3		x						
66.	**PT03140**	Dựng phim truyền hình	3		x						
67.	**PT03141**	Truyền hình trực tiếp	3							x	
68.	**PT04804**	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp	6								x
69.	**PT04819**	Đạo diễn truyền hình	3								x
70.	**PT04818**	Phim tài liệu truyền hình	3								x
	Tổng			20	20	17	18	18	14	13	10

12. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy thường được sử dụng ở bậc đại học: Giảng lý thuyết, thảo luận (thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề), nghiên cứu trường hợp (Case study), dạy học thông qua vấn đề (Problem-based learning), dạy học thông qua làm dự án (Project-based learning), thuyết trình (người học thuyết trình - Presentation), đóng vai, mô phỏng (Roleplay, simulation), làm thí nghiệm, bài tập thực hành (Experiment, exercise), nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập (Fieldwork)…

Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Giảng lý thuyết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
3	Nghiên cứu trường hợp					x	x	x		x	x	x	x		x	
4	Dạy học thông qua vấn đề, tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x
5	Dạy học thông qua làm dự án					x	x	x	x	x	x	x			x	x
6	Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x	x		x	x	x	x		x	x
8	Làm thí nghiệm/bài tập thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

13. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nghe giảng, ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
3	Nghiên cứu trường hợp					x	x	x		x	x	x	x		x	
4	Học thông qua vấn đề, tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x
5	Học thông qua làm dự án					x	x	x	x	x	x	x			x	x
6	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x	x		x	x	x	x		x	x
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

14. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích luỹ được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
1	Triết học Mác-Lênin			x								x						
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x	x			x			x	x	x			x			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x								x								
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x								x				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x	x											
6	Pháp luật đại cương	x				x	x											
7	Chính trị học đại cương	x										x						
8	Xây dựng Đảng	x																
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	x						x								x		
10	Xã hội học đại cương			x														
11	Địa chính trị thế giới	x					x											
12	Tiếng Việt thực hành	x																

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x								x								
14	Các loại hình báo chí - truyền thông						x	x	x						x	x	x	
15	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	x				x	x											
16	Tâm lý học dạy học đại học	x						x										
17	Tâm lý học xã hội	x						x										
18	Truyền thông đa phương tiện						x	x	x						x	x	x	
19	Tin học ứng dụng					x+TH												
20	Tiếng Anh học phần 1	x	x			x												
21	Tiếng Anh học phần 2	x	x			x												
22	Tiếng Anh học phần 3	x	x			x												
23	Tiếng Anh học phần 4	x	x			x												
24	Tiếng Trung học phần 1	x	x			x												
25	Tiếng Trung học phần 2	x	x			x												

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
26	Tiếng Trung học phần 3	x	x			x												
27	Tiếng Trung học phần 4	x	x			x												
28	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	x				x	x			x				x	x			
29	Nghiệp vụ biên tập báo chí – truyền thông							x								x		
30	Quan hệ công chúng và quảng cáo								x								x	
31	Lý thuyết truyền thông						x	x	x						x	x	x	
32	Quan hệ quốc tế	x						x		x						x		
33	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	x				x	x			x				x	x			
34	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	x				x	x			x				x	x			
35	Tâm lý học báo chí – truyền thông	x				x	x			x				x	x			
36	Lịch sử báo chí	x				x	x			x				x	x			

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
37	Văn hoá báo chí - truyền thông	x				x	x			x				x	x			
38	Thực tế chính trị - xã hội						X	x							x	x		
39	Dẫn chương trình						x	x	x						x	x	x	
40	Xuất bản điện tử	x								x								
41	Xây dựng và quản trị thương hiệu	x					x			x					x			
42	Công chúng báo chí – truyền thông	x				x	x			x				x	x			
43	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại							x								x		
44	Cơ sở lý luận báo chí	x				x	x			x				x	x			
45	Kĩ thuật công nghệ truyền thông số						x	x	x						x	x	x	
46	Lao động nhà báo						x	x	x						x	x	x	
47	Tác phẩm báo in						x	x	x						x	x	x	
48	Tác phẩm phát thanh						x	x	x						x	x	x	

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
49	Tác phẩm báo truyền hình						x	x	x						x	x	x	
50	Tác phẩm báo mạng điện tử						x	x	x						x	x	x	
51	Thực tập nghiệp vụ								x								X	
52	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	x				x	x			x				x	x			
53	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu						x	x	x						x	x	x	
54	Báo chí về an ninh quốc phòng	x				x	x			x				x	x			
55	Báo chí về chính trị - xã hội	x				x	x			x				x	x			
56	Báo chí về khoa học và giáo dục	x				x	x			x				x	x			
57	Báo chí với các vấn đề toàn cầu	x				x	x			x				x	x			
58	Kỹ thuật quay phim						x	x	x						x	x	x	

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
59	Nghệ thuật quay phim	x				x	x			x			x	x			x	
60	Nghệ thuật nhiếp ảnh						x	x	x						x	x	x	
61	Thực tập tốt nghiệp								x								x	
62	Kỹ xảo đồ hoạ truyền hình						x	x	x						x	x	x	
63	Báo chí di động						x	x	x						x	x	x	
64	Báo chí điều tra						x	x	x						x	x	x	
65	Báo chí dữ liệu						x	x	x						x	x	x	
66	Dựng phim truyền hình						x	x	x						x	x	x	
67	Truyền hình trực tiếp						x	x	x						x	x	x	
68	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp						x	x	x						x	x	x	
69	Đạo diễn truyền hình	x				x	x			x				x	x	x		
70	Phim tài liệu truyền hình						x	x	x						x	x	x	

15. Điều kiện đội ngũ

15.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Trần Thị Vân Anh (1979)	05/8/1979	Ngôn ngữ			x		
2	Vũ Huyền Nga	05/9/1975	Báo chí			x		
3	Nguyễn Thị Trường Giang	16/4/1978	Báo chí		x	x		
4	Trương Thị Kiên	4/1/1978	Báo chí		x			
5	Lê Ngọc Tùng	24/03/1981	Báo chí				x	
6	Dương Quốc Bình	27/10/1986	Truyền thông				x	
7	Lương Thị Phương Diệp	07/10/1985	Báo chí				x	
8	Trần Thị Phương Lan	07/12/1982	Báo chí				x	
9	Trần Thị Hoa Mai	11/2/1971	Báo chí				x	
10	Lê Thị Nhã	01/3/1966	Báo chí			x		
11	Đinh Thị Xuân Hòa	15/6/1974	Báo chí			x		
12	Nguyễn Văn Trường	01/05/1974	Báo chí			x		

15.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Nguyễn Thành Lợi	1974	Truyền thông		x	x		
2	Ngô Việt Anh	1979	Báo chí				X	
3	Vũ Tuấn Anh	1978	Truyền thông			X		
4	Lê Hải	1981	Báo chí			X		
5	Phạm Thị Thu Huyền	1980	Báo chí			X		

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
6	Trần Bảo Khánh	1958	Báo chí			x		
7	Nhạc Phan Linh	1981	Xã hội học			x		
8	Nguyễn Quang Vinh	1967	Báo chí			x		
9	Nguyễn Thị Bích Yến	1978	Báo chí			x		
10	Trần Thị Tri	1963	Kinh tế			x		

16. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT

16.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy….

Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị (dành cho các ngành khối nghiệp vụ)

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
4	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1
5	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cẩu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1
6	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu.	1

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
		- Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	
7	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

16.2. Học liệu phục vụ học tập, giảng dạy

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí,

phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.000 tài liệu, trong đó 1.876 tài liệu in, 1124 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	33.363 tài liệu, trong đó: 25.747 tài liệu in; 7.616 tài liệu số.

16.3. Thống kê giáo trình, bài giảng

TT	Phân loại	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo trình in sách	20 cuốn	
2	Giáo trình nội bộ	20 cuốn	
3	Sách chuyên khảo	30 cuốn	
4	Sách tham khảo	30 cuốn	
5	Đề cương bài giảng	20 cuốn	
6	Tài liệu tham khảo	20 cuốn	

17. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Thời gian bắt đầu thực hiện chương trình từ khóa 44 (2024-2028).
- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ.
- Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất
- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.

+ Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung

+ Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới

+ Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung

+ Đối với những sinh viên học lại, học song bằng, nếu không tổ chức được lớp cho những môn học bắt buộc trong chương trình cũ có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế, cụ thể như sau

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	3	PT03136	Ngôn ngữ báo chí truyền thông	3
2	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	3	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	3
3	BC03804	Tác phẩm báo in	5	BC03171	Tác phẩm báo in	3
				XB02601	Nghiệp vụ biên tập BCTT	2
4	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	5	PT03131	Tác phẩm báo phát thanh	3
				QT03529	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2
5	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	5	PT03132	Tác phẩm báo truyền hình	3
				XB02610	Xuất bản điện tử	2
6	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	5	PT03133	Tác phẩm báo mạng điện tử	3
				QT03529	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2
7	PT03840	Thực tế CTXH	2	PT02501	Các loại hình báo chí – truyền thông	2
				PT03840	*Hoặc* Thực tế CTXH	3
8	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3	BC03820	Báo chí về các vấn đề toàn cầu	3
9	PT04820	Kỹ năng điều tra	3	PT03130	Báo chí điều tra	3
10	PT03854	Dẫn chương trình TH	3	PT03135	Dẫn chương trình	3
11	PT03865	Nghệ thuật tạo hình	3	PT03140	Kỹ thuật quay phim	3

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
12	PT03868	Truyền hình thực tế	3	PT04819	Đạo diễn truyền hình	3
13	PT03706	Phim ngắn	3	PT03876	Báo chí dữ liệu	3
14	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5	PT03134 BC02235	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số Truyền thông đa phương tiện	3 2

18. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Mục tiêu đào tạo	Giữ nguyên	Giữ nguyên	
Chuẩn đầu ra	27 chuẩn đầu ra	15 chuẩn đầu ra	Rút gọn các chuẩn đầu ra trên cơ sở tích hợp các chuẩn đầu ra theo khối kiến thức và nhóm kỹ năng.
Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia	Có	Có	Cập nhật điều chỉnh theo chương trình mới với 06 Mục tiêu về kiến thức, 06 mục tiêu về kỹ năng, 03 mục tiêu về mức độ tự chủ, trách nhiệm và 07 PLO Kiến thức, 05 PLO Kỹ năng, 03 PLO năng lực tự chủ, trách nhiệm.
Tiêu chí tuyển sinh	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện	Giữ nguyên

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện	Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện	Giữ nguyên
Sơ đồ cây chương trình đào tạo	Chưa có	Bổ sung mới	Được điều chỉnh theo sự điều chỉnh cơ cấu học phần và trình tự tổ chức dạy học
Nội dung chương trình	- Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ	Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ nhưng có điều chỉnh các khối kiến thức và các học phần mới được bổ sung.	- Giữ nguyên tổng số tín chỉ toàn khóa và tổng số tín chỉ của khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; điều chỉnh, bổ sung một số môn học mới như *Các loại hình báo chí - truyền thông, PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo, Truyền thông đa phương tiện...* - Bỏ kiến thức bổ trợ - Tăng tín chỉ khối kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành; điều chỉnh, thay đổi, bổ sung một số môn học như *Dẫn chương trình, Nghiệp vụ biên tập báo chí – truyền thông, Xuất bản điện tử, Xây dựng và quản trị thương hiệu...* - Điều chỉnh, phân bổ lại số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành, tự học của một số học phần, như môn *Thực tế chính trị xã hội* tăng từ 2 lên 3 tín chỉ.

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Ma trận liên kết giữa các học phần với PLO của CTĐT	Có	Có điều chỉnh	Điều chỉnh cách đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo mức độ 1,2,3,4,5,6 tương ứng của từng bậc: L (thấp), M (trung bình) và H (cao), mang tính phân loại cao hơn giữa các học phần.
Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	Có	Có điều chỉnh	Sắp xếp lại thứ tự các học phần theo logic nhận thức của người học và theo trình tự tiên quyết các khối kiến thức, nhóm kỹ năng.
Phương pháp giảng dạy	Chưa có	Có	Thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
Phương pháp học tập	Chưa có	Có	Thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Hình thức đánh giá	Có	Có	Cập nhật theo chương trình mới, điều chỉnh tỉ lệ các hình thức kiểm tra, đánh giá trong một học phần. Thay đổi từ tỉ lệ 10%-30%-60% thành 20%-30% và 50%. Bổ sung thêm các hình thức đánh giá đa dạng hơn, cả trực tiếp. và trực tuyến cho tất cả các môn.
Hướng dẫn thực hiện chương trình	Có	Có	Được cụ thể hóa thêm về các học phần thay thế, học phần tương đương do điều chỉnh chương trình, quy định thêm về số tín chỉ được học vượt để tích lũy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng ngành.
Điều kiện đội ngũ	Có	Có	Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng theo tình hình đội ngũ hiện thời.

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT	Có	Có	Cập nhật theo điều kiện hiện có, bao gồm Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thống kê về học liệu có trong Thư viện, thống kê giáo trình, bài giảng.

19. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, có thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng; có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp luận vào nhận định vấn đề thực tiễn; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tích cực tham gia vào các hoạt động học tập cũng như mong muốn truyền bá tri thức môn học.
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cốt lõi về kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới; Có kỹ năng tư duy, kỹ năng vận dụng lý luận kinh tế để phân tích các quan hệ kinh tế; Có ý thức trách nhiệm phù hợp khi tham gia hệ thống kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp đại học.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
3	CN01001	CNXHKH	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những tri thức của CNXHKH; hiểu được các quy luật và các tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình ra đời, phát triển hình thái kinh tế - xã hội XHCN – CSCN. Bước đầu có kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị xã hội. Từ những hiểu biết đó, sinh viên có thái độ tin tưởng, ủng hộ cũng như tích cực, tự giác trong hành động thực tiễn nhằm góp phần thực hiện thành công cách mạng XHCN – con đường mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng từ năm 1930 đến nay. Có nhận thức đúng đắn, khách quan về thực tiễn lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của sinh viên vào con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng qua các giai đoạn cách mạng. Có kỹ năng phân tích, vận dụng các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh và đánh giá sự kiện chính trị-xã hội theo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc được vai trò, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam và công cuộc đổi mới hiện nay.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	Sau khi kết thúc môn học, sinh viên nhận thức rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, về phòng, chống tham nhũng; có kiến thức tổng hợp về nhà nước và pháp luật Việt Nam; đánh giá được mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay; phát hiện những vấn đề chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam với thực tiễn; có thể đề xuất được một số biện pháp cơ bản nhằm xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên cơ sở đó nâng cao nhận thức của sinh viên về nhà nước và pháp luật; hình thành ý thức tôn trọng và đấu tranh kiên quyết với hành vi vi phạm pháp luật.
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản tập trung vào những nội dung cốt lõi của chính trị học bao gồm: các tư tưởng chính trị, quyền lực và quyền lực chính trị, các thể chế chính trị từ đó hình thành kĩ năng, thái độ và quan điểm đúng đắn, khách quan để định hướng hành vi cho người học trước những sự kiện, hiện tượng, vấn đề chính trị thực tiễn

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ ghi nhớ được các tư tưởng, quan điểm của Mác-Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về các vấn đề cơ bản về Xây dựng Đảng; vận dụng, phân tích, đánh giá được những vấn đề đó để liên hệ và giải quyết những vấn đề thực tiễn về xây dựng Đảng, công tác đảng đặt ra. Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tổ chức cuộc họp, phân tích và phản biện các vấn đề về xây dựng Đảng, nâng cao năng lực và trình độ nhận thức, củng cố niềm tin, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng tổ chức đảng, phấn đấu trở thành đảng viên, đứng trong hàng ngũ của Đảng.
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các phương pháp cơ bản về nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, hướng tới hình thành năng lực và phẩm chất cơ bản cho người học về nghiên cứu khoa học.
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên có điều kiện nâng cao hiểu biết chuyên sâu về văn hóa Việt Nam, có kỹ năng gìn giữ, xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có những kiến thức chung về các loại hình báo chí – truyền thông: khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, thế mạnh, kỹ năng sáng tạo một số loại hình báo chí - truyền thông ở mức cơ bản; những kiến thức này làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	Sau khi học xong môn học, sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về địa chính trị thế giới: khái niệm, các quan điểm địa-chính trị, đặc điểm địa - trị thế giới; Hiểu rõ các đặc điểm địa –chính trị ở các châu lục, khu vực. Hiểu rõ sự tác động của các đặc điểm địa-chính trị đến quan hệ quốc tế; sự tác động qua lại giữa yếu tố địa lý và chính trị đối với sự phát triển của quốc gia, khu vực. Có khả năng tiếp cận và giải thích các sự kiện và diễn biến chính trị dựa trên nền của các yếu tố địa lý, hình thành khả năng phân tích, đánh giá các sự kiện, vấn đề quốc tế, ở các khía cạnh khác nhau làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có tri thức tâm lý cơ bản để tiến hành tổ chức, thực hiện hoạt động dạy học có hiệu quả. Đồng thời hình thành tình cảm nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong rèn luyện, tu dưỡng nhân cách để trở thành giảng viên giỏi trong tương lai.
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học nói chung và Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội. Đồng thời củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ - tiếng Việt nói chung và kỹ năng nói/ viết tiếng Việt trong lĩnh vực báo chí truyền thông, xuất bản và lý luận chính trị nói chung và trong từng chuyên ngành nói riêng; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng khai thác vốn từ vựng tiếng Việt trong giao tiếp và công việc, kỹ năng sử dụng sáng tạo ngôn ngữ/ văn bản; thái độ, tình cảm quý trọng đối với tiếng nói, ngôn ngữ quốc gia.
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể có những kiến thức chung về quan hệ công chúng, các phương tiện truyền thông; cách sử dụng các phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động quan hệ công chúng. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về mối quan hệ giữa quan hệ công chúng với các phương tiện truyền thông sáng tạo. Môn học được xây dựng để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các môn chuyên ngành.
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức chung về truyền thông đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả.
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể có những kiến thức chung về bộ môn xã hội học: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, hệ thống khái niệm, phương pháp nghiên cứu. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về môn học xã hội học làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	Khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có những hiểu biết về Công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ A2- Khung CEFR). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở bậc sơ cấp dùng trong giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, nhà cửa, học tập, hoài bão, kế hoạch tương lai, đồ ăn, du lịch.
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2 cao và bậc 3 thấp, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương ứng với mức A2+, B1- Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR). Theo đó, sinh viên có cơ hội học và phát triển toàn diện 4 kỹ năng. Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày; có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, sức khỏe, giải trí; công nghệ, trải nghiệm, có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 3/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như nét nhận diện bản thân, sự thành công, làm việc cùng nhau, thói quen hàng ngày, nghệ thuật và quê quán.
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh ở trình độ bậc 4/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản than, có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ, có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc sơ cấp thấp tương đương với HSK1 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, nắm được cách viết chữ Hán, các quy tắc ngữ pháp, từ vựng cũng như có kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ sơ cấp thấp để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề rất quen thuộc như bản thân, gia đình, thời gian, nơi chốn, trường học, mua bán.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung HSK 2 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试), tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên nắm chắc được phần ngữ âm, cách viết chữ Hán, kiến thức ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như thời gian, công việc, sở thích, học tập, hỏi đường
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 3 , sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK3 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ đầu trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau, có khả năng diễn đạt quan điểm về một số chủ đề trong học tập và cuộc sống như thời tiết, du lịch, sở thích.
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 4 , sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK4 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề trong cuộc sống như đi du lịch, làm việc với công an, phong tục tập quán của người Trung Quốc...

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
28	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về pháp luật báo chí, truyền thông và đạo đức nghề nghiệp; sinh viên sau khi học xong học phần này có thái độ tôn trọng pháp luật và các quy định về đạo đức nghề nghiệp; học phần cũng đòi hỏi sinh viên phải xây dựng được năng lực tư duy pháp lý, phân tích được sự kiện pháp lý trong hoạt động nghiệp vụ; rèn luyện cho sinh viên ý thức, thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp.
29	XB02601	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông	2	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ biên tập. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để biên tập các loại hình, sản phẩm của báo chí truyền thông. Đồng thời, học phần sẽ hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được cơ sở lý luận, các mô hình truyền thông được sử dụng trong hai lĩnh vực này, phân biệt được các hoạt động quan hệ công chúng và các loại hình quảng cáo...; hình thành được kỹ năng phân tích và đánh giá một số hoạt động quan hệ công chúng, quảng cáo như: quan hệ với báo chí, chiến dịch quan hệ công chúng và quảng cáo,...; từ đó có thái độ đúng đắn, khách quan, khoa học khi tham gia nghiên cứu và thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng và quảng cáo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
31	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được lý thuyết cơ bản về truyền thông, bao gồm: khái niệm, lịch sử phát triển, các mô hình, môi trường truyền thông; cách ứng dụng một số lý thuyết truyền thông; đặc trưng, phân loại và cách thức sử dụng của các kênh truyền thông cá nhân, nhóm và đại chúng; xác định được các bước của một chu trình truyền thông, xây dựng được kế hoạch, giám sát, đánh giá và phân tích hoạt động truyền thông; có thái độ tích cực, đúng đắn trong tham gia thực hiện các chiến dịch, chương trình truyền thông.
32	QT02001	Quan hệ quốc tế	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế, có kỹ năng phân tích, đánh giá được một số nội dung cốt lõi có liên quan đến quan hệ quốc tế; có nhận thức đúng đắn về một số vấn đề quan hệ quốc tế cơ bản cũng như về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
33	PT03136	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
34	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.
35	BC02803	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm báo chí – truyền thông.
36	PT02805	Lịch sử báo chí	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử…
37	BC02804	Văn hoá báo chí - truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
38	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có được hiểu biết và có trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng thực tế về chính trị xã hội ở Việt Nam. Sinh viên tìm hiểu tình hình thực tế tại các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội phù hợp với chuyên ngành.
39	PT03135	Dẫn chương trình	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về dẫn chương trình trong lĩnh vực báo chí truyền thông: khái niệm, yêu cầu, nguyên tắc... Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử khi dẫn chương trình trên truyền hình, tổ chức sự kiện và các hoạt động khác; giúp sinh viên có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.
40	XB02610	Xuất bản điện tử	2	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức cơ bản về xuất bản điện tử (XBĐT); kỹ năng xác định đề tài, xây dựng nội dung và lập kế hoạch xuất bản xuất bản phẩm điện tử. Đồng thời, học phần hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
41	QQ02610	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu bao gồm: tạo dựng hình ảnh thương hiệu, phân tích thị trường; phân tích tình trạng của thương hiệu; định vị thương hiệu; kiểm nghiệm phương án mới; lập kế hoạch và đánh giá sự thực hiện. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược thương hiệu điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý thương hiệu. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing, xây dựng thương hiệu và vận dụng những kỹ năng để quản trị thương hiệu đó một cách hiệu quả.
42	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.
43	QT03529	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được hệ thống khái niệm, các kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống truyền thông quốc tế. Nắm được các đặc điểm về các chủ thể, kênh, công chúng… trong hoạt động truyền thông quốc tế. Tìm hiểu thực trạng truyền thông quốc tế ở một số quốc gia, một số tổ chức quốc tế… trên thế giới. Ngoài ra cung cấp các kiến thức về các sản phẩm báo chí đối

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				ngoại ở Việt Nam hiện nay: công chúng, nội dung, quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại.
44	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.
45	PT03134	Kĩ thuật công nghệ truyền thông số	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.
46	BC03802	Lao động nhà báo	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
47	BC03171	Tác phẩm báo in	3	Sau khi kết thúc học phần. người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo in; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí;rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.
48	PT03131	Tác phẩm báo phát thanh	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thế mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.
49	PT03132	Tác phẩm báo truyền hình	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
50	PT03133	Tác phẩm báo mạng điện tử	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.
51	BC03733	Thực tập nghiệp vụ năm 3	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được rèn luyện, củng cố, phát triển và trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp thông qua việc thực tập, tìm hiểu tình hình thực tế, sáng tạo tác phẩm tại các cơ quan, tổ chức phù hợp với chuyên ngành đào tạo.
52	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế và an sinh xã hội: vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng, nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành: tự tìm kiếm, phản biện, chọn lựa đề tài và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội một cách chính xác, hiệu quả.
53	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3.0	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những hiểu biết cơ bản về môi trường và biến đổi khí hậu, và một số kỹ năng báo chí về đề tài này. Cụ thể, về phần kiến thức, làm rõ nguyên nhân, thực trạng và giải pháp của các vấn đề môi trường, xử lý chất thải, bảo vệ đa dạng sinh học, năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu… Về phần kỹ năng, bao gồm các kỹ năng kể chuyện, nhập vai, thu thập và phân tích thông tin, chọn lựa đề tài và góc độ phản ánh, phỏng vấn, điều tra… Sinh viên học cách phân tích các tác phẩm

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				và sáng tạo sản phẩm về Môi trường và Biến đổi khí hậu
54	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; hiểu được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc phòng-an ninh và cách tuyên truyền trên các sản phẩm truyền thông. Sinh viên cũng nắm được cách viết báo về nội dung quốc phòng-an ninh, những lưu ý khi viết về Quốc phòng-an ninh
55	BC03813	Báo chí về chính trị - xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội
56	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản của báo chí về khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
57	BC03640	Báo chí với các vấn đề toàn cầu	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu
58	PT03140	Kỹ thuật quay phim	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức về kỹ thuật quay phim; giới thiệu một số loại camera hiện đang dùng trong ngành truyền hình, quy trình khai thác và xử dụng camera, xử lý những sự cố đơn giản thường tông màu cho hình ảnh theo ý đồ.
59	PT03853	Nghệ thuật quay phim	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức có hệ thống về quay phim chuyên nghiệp: lý luận chung về quay phim, kỹ năng quay phim cơ bản, ý thức nghề, ý thức và phẩm chất của người quay phim... để áp dụng khi tham gia sản xuất chương trình truyền hình. Phần thực hành rèn cho sinh viên tư duy hình ảnh cũng như các thao tác kỹ thuật của quay phim chuyên nghiệp.
60	BC03850	Thực tập tốt nghiệp	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được rèn luyện, củng cố, phát triển và trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp thông qua việc thực tập, tìm hiểu tình hình thực tế, sáng tạo tác phẩm tại các cơ quan, tổ chức phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
61	PT02102	Nghệ thuật nhiếp ảnh	2	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức có hệ thống về nghệ thuật nhiếp ảnh và các kỹ năng cơ bản của nhiếp ảnh chuyên nghiệp; giới thiệu cho sinh viên về quy trình và các kỹ năng tác nghiệp trong nhiếp ảnh và theo đuổi mục tiêu; xử lý các cách kể chuyện bằng bố cục, cỡ cảnh trong nhiếp ảnh; lựa chọn và sử dụng các phương tiện, thiết bị hỗ trợ phù hợp.
62	PT56038	Kỹ xảo đồ hoạ truyền hình	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức về kỹ thuật quay phim; Giới thiệu một số loại camera hiện đang dùng trong ngành truyền hình, quy trình khai thác và xử dụng camera, xử lý những sự cố đơn giản thường tông màu cho hình ảnh theo ý đồ.
63	PT03855	Báo chí di động	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản, có hệ thống về báo chí di động như những ảnh hưởng của thiết bị di động đối với lĩnh vực báo chí truyền thông, lĩnh hội được những đặc trưng cơ bản của báo chí di động, nguyên tắc viết cho báo chí di động và có thể thành thạo tác nghiệp bằng thiết bị di động.
64	PT03130	Báo chí điều tra	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ năng điều tra, gồm các khái niệm trong báo chí điều tra (thể loại, tác phẩm điều tra, phương pháp, kỹ năng điều tra), vai trò của kỹ năng điều tra trong tác nghiệp của nhà báo, các yếu tố cấu thành kỹ năng điều tra của nhà báo. Phân tích kỹ năng điều tra qua các tình huống, sự kiện, vấn đề cụ thể trên báo chí, bước đầu rèn luyện kỹ năng điều tra qua các bài tập thực hành liên quan đến thực tiễn hoạt động của báo chí.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
65	PT03876	Báo chí dữ liệu	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Báo chí dữ liệu như những ảnh hưởng của Báo chí dữ liệu đối với lĩnh vực báo chí truyền thông, lĩnh hội được những đặc trưng cơ bản của Báo chí dữ liệu
66	PT03140	Dựng phim truyền hình	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về dựng phim, bao gồm: kỹ thuật dựng phim và các thủ pháp dựng phim. Phần kỹ thuật sinh viên làm quen với một số phần mềm dựng phim phổ biến; giới thiệu cách sử dụng các công cụ để cắt – ghép hình ảnh tạo nên câu hình, đoạn hình ảnh. Môn học cũng giới thiệu các thủ pháp dựng phim; các nguyên tắc xử lý audio trong quá trình dựng phim; xử lý mối quan hệ giữa lời bình, tiếng động và âm nhạc trong tác phẩm truyền hình.
67	PT04819	Truyền hình trực tiếp	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về Truyền hình trực tiếp; vị trí, vai trò, đặc điểm của chương trình Truyền hình trực tiếp; kỹ năng thực hiện tác nghiệp truyền hình trực tiếp.
68	BC04801	Khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp	6	Sau khi làm xong khóa luận /tác phẩm tốt nghiệp, người học sẽ có khả năng hình thành ý tưởng, về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên môn trong thực tiễn.
69	PT03141	Đạo diễn truyền hình	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về tổ chức sản xuất chương trình trên hiện trường, cách điều tiết các công việc và nhiệm vụ của từng thành viên tham gia đoàn làm tác phẩm. Sinh viên hình thành những kỹ năng của đạo diễn ở một số thể loại cơ bản.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
70	PT04818	Phim tài liệu truyền hình	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại phim tài liệu truyền hình: lịch sử phát triển, những đặc trưng cơ bản, kỹ năng viết kịch bản, quy trình sáng tạo tác phẩm. Cùng với phần nghiên cứu lý thuyết, sinh viên sẽ được thực hành làm phim tài liệu.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Trần Văn Thư

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Trường Giang